TĂNG CƯỜNG ĐỘNG LỰC THỰC HÀNH NÓI TRONG LỚP HỌC TIẾNG ANH

LÊ THỊ HOÀN*

Abstract: For many non-English major students, speaking English remains a daunting skill, leading to subdued classroom atmospheres during speaking sessions if appropriate strategies are not employed. The action research conducted in two B1 English classes during the first term of the 2023-2024 school year aims to promote student's speaking practice in the classroom. Findings reveal that when extrinsic motivators are exploited creatively, student's intrinsic motivation is strengthened regularly, and technological devices are used properly, students develop a habit of practicing speaking in class and perform well in the final speaking test.

Key words: *classroom speaking practice, motivation*

1. Đặt vấn đề

Khi giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên khối không chuyên ngữ của các trường thành viên trong Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) trong nhiều năm, thực tế cho thấy kĩ năng nói luôn là một thách thức lớn đối với đa phần sinh viên thuộc các thế hệ khác nhau, dẫn đến việc sinh viên ngại luyện tập nói trong giờ học và cả ngoài giờ học. Trước đây, đã có nhiều nghiên cứu được tiến hành theo những cách thức khác nhau phù hợp điều kiện thực tế nhằm cải thiện kĩ năng nói của sinh viên và đạt những kết quả khả quan.

Tuy nhiên, vào tháng 11 năm 2022, quy chế đào tạo mới nhất của ĐHQGHN được ban hành [6], theo đó, môn tiếng Anh, thay vì là môn điều kiện như trước đây, trở thành môn học bắt buộc và điểm môn tiếng Anh được tính vào GPA (điểm trung bình chung). Để đáp ứng yêu cầu của quy chế đào tạo mới này, một loạt các đề cương môn học tiếng Anh được làm mới với những thay đổi nhất định so với với các đề cương trước đây. Khóa sinh viên học tiếng Anh trong học kì I năm học 2023 - 2024 là một trong số các khóa đầu tiên được áp dụng các chương trình học mới này. Ngoài những thay đổi về học liệu thì một trong số thay đổi quan trọng nằm ở quy định về kiểm tra đánh giá. Trước đây, việc đánh giá sinh viên được thực hiện qua các đề kiểm tra do cơ sở đào tạo cung cấp và được thực hiện trong một mốc nhất định trong học kì. Tuy nhiên, đề cương môn học mới cho phép giáo viên đứng lớp có nhiều quyền tự chủ và chủ động hơn khi đánh giá sinh viên thông qua đầu điểm tự học. Đây là một tín hiệu tốt bởi việc kiểm tra không chỉ đơn thuần dùng để đánh giá, lấy điểm số, mà hơn hết, hoạt động này là một công cụ để người dạy và người học đo được sự tiến bộ và có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình dạy học. Điều này đặc biệt phù hợp với triết lí cá thể hóa trong hoạt động giảng dạy - triết lí mà ĐHQGHN hướng tới [7] và cũng là xu thế dạy - học hiện đang được chú trọng ở Việt Nam.

Ngoài vai trò như là một công cụ điều chỉnh quá trình dạy - học thì điểm số cũng có thể đóng vai trò như là một tác nhân tạo động lực học tập cho sinh viên khi giáo viên biết khai thác một cách hợp lí. Tất nhiên, nếu chỉ dùng điểm số để tạo động lực học tập cho sinh viên nói chung và tạo sự hứng thú cho sinh viên trong giờ thực hành kĩ năng nói nói riêng là chưa đủ. Để đạt được kết quả khả quan, giáo viên cần phải có những biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm tăng cường động lực nội sinh của sinh viên và đưa ra những điều chỉnh phù hợp dựa trên tình hình dạy - học thực tế và quá trình đánh giá thường xuyên trên lớp học.

* ThS, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Với đường hướng này, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu hành động với hai lớp sinh viên học môn tiếng Anh B1 tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên, học kì I năm học 2023-2024, với mục đích cải thiện động lực thực hành kĩ năng nói tiếng Anh trên lớp học của sinh viên.

2. Cơ sở lí luận

2.1. Nghiên cứu hành động

Nghiên cứu hành động thường được tiến hành khi có một vấn đề nào đó cần được giải quyết [3]. Đây là hướng nghiên cứu phù hợp với mục tiêu nhằm ứng dụng, từng bước cải thiện một vấn đề trong quá trình dạy học tại một cơ sở giáo dục. Cách tiếp cận này cho phép giáo viên áp dụng các phương pháp, kĩ thuật, chiến thuật giảng dạy có tính cải tiến vào một môi trường hoặc đối tượng học cụ thể, từ đó nhận diện được những điểm mạnh hoặc điểm yếu, yếu tố phù hợp hoặc không phù hợp để điều chỉnh các phương pháp, chiến thuật dạy - học phù hợp hơn và mang lại kết quả tốt hơn. Ngoài ra, việc sử dụng công nghệ phù hợp trong quá trình thực hiện nghiên cứu hành động cũng là một yếu tố ưu việt, giúp các chiến lược dạy học phát huy tối đa tác dụng [4].

2.2. Các chiến lược duy trì động lực của sinh viên

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng động lực (motivation) đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình duy trì việc học và kết quả học tập của người học. Cho tới nay thuật ngữ "động lực" được tiếp cận và giải thích theo các lăng kính khác nhau, nhưng nổi bật nhất là trường phái chia động lực thành hai nhánh lớn là *Động lực ngoại sinh* (Extrinsic motivation) và *Động lực nội sinh* (Intrinsic motivation) [1]. Động lực ngoại sinh liên quan đến sự tác động của các yếu tố lên việc hoàn thành một nhiệm vụ nào đó trong khi động lực nội sinh được hình thành khi tự thân con người muốn thực hiện một nhiệm vụ mà không cần phải có bất kì tác động nào từ bên ngoài.

Liên quan đến việc học ngôn ngữ, theo Dörnyei [2], một loạt các động lực ngoại sinh được kể đến như điểm, giải thưởng, thể diện, phản hồi tích cực, lời khen, sự khích lệ, cơ hội thăng tiến trong công việc tương lai, trải nghiệm văn hóa hoặc du lịch, vượt qua kì thi, dành chiến thắng trong cuộc thi hoặc phần thưởng về vật chất. Khi tiếng Anh là môn học được tính vào GPA thì mục tiêu trước mắt mà sinh viên muốn đạt được chính là yếu tố điểm số và qua được kì thi hết môn. Điểm số này có thể được sử dụng như một hình thức khen thưởng để tạo động lực cho sinh viên. Ngoài ra, lời khen, sự khích lệ và thể diện cũng đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, Dörnyei cũng cảnh báo rằng mặc dù động lực ngoại sinh ban đầu có thể kích thích sự quan tâm và hành vi của người học nhưng có thể không duy trì được lâu nếu không có sự tác động liên tục hoặc người học không tự thân duy trì được động lực học. Đây chính là lúc mà cần có những chiến lược tạo dựng và duy trì động lực nội sinh của sinh viên. Lê Thị Hoàn [5] đã tóm lược một số chiến lược giúp giáo viên duy trì động lực nội sinh của sinh viên mà Dornyei và Csizer đề xuất, trong đó có chiến lược (1) đặt mục tiêu mức năng lực mà người học cần đạt được từ đầu khóa học; (2) chi tiết hóa chương trình học dựa trên nhu cầu học tập và năng lực của người học; (3) khuyến khích tính tự chủ trong học tập của người học bằng cách hỗ trợ người học cách lên kế hoạch, áp dụng các chiến lược học tập và đánh giá kết quả đạt được; (4) trao cho người học quyền lựa chọn trong học tập; (5) Phản hồi thường xuyên nhằm cải thiện năng lực tiếng và qua đó tăng sự tự tin của người học về môn học; (6) thiết lập môi trường lớp học gắn kết, thoải mái, dựa trên sự tin cậy, hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau.

Việc khai thác và kết hợp hài hòa hai yếu tố động lực này dựa trên hoàn cảnh thực tế giúp đảm bảo được kết quả mong muốn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Sinh viên không chuyên ngữ tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐH KHTN), ĐHQGHN, có xu hướng sợ và lười thực hành nói trên lớp học vì nhiều lí do khác nhau, trong khi, theo quy chế đào tạo mới nhất do ĐHQG ban hành, điểm môn tiếng Anh lại được tính vào điểm tích lũy GPA và do đó sinh viên cần nỗ lực để đạt được yêu cầu về điểm số của môn học. Ngoài ra, các chương trình học được làm mới cũng cho phép giáo viên có nhiều quyền tự chủ hơn trong việc kiểm tra đánh giá và cho điểm. Do vậy, nghiên cứu được thực hiện với mục đích (1) nhận diện những điểm yếu của sinh viên để kịp thời điều chỉnh; (2) duy trì động lực nội sinh của sinh viên, để khuyến sinh viên tích cực hơn trong các hoạt động luyện tập kĩ năng nói trên lớp học; và (3) lấy điểm số như là một yếu tố bên ngoài tác động vào động lực thực hành nói của sinh viên, từ đó cải thiện khả năng nói tiếng Anh của sinh viên, mà trước hết là để sinh viên đáp ứng được yêu cầu bài thi nói trong chương trình học.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với 62 sinh viên năm thứ 2 từ nhiều khoa khác nhau thuộc hai lớp tiếng Anh B1 tại trường ĐH KHTN trong học kì I năm học 2023 - 2024. Môn tiếng Anh B1 là môn học tiếng Anh đầu tiên sinh viên học tại trường và sinh viên trong lớp ở trình độ không đồng đều. Môn tiếng Anh B1 được dạy trong 15 tuần, mỗi tuần 5 tiết, trong đó có 2 tiết (100 phút) được dành cho kĩ năng nói.

Khi kết thúc học kì sinh viên sẽ phải làm một bài kiểm tra nói trong 10 phút. Bài thi nói này đựa trên 6 chủ đề mà sinh viên đã học trong suốt học kì và bao gồm 3 phần. Trong phần 1, sinh viên thể hiện khả năng giao tiếp xã hội thông qua các câu hỏi mang tính chất cá nhân. Trong phần 2, sinh viên được cung cấp một tình huống trong đó họ phải lựa chọn một trong ba phương án cho sẵn, chuẩn bị trong 1 phút, lập luận cho lựa chọn của mình và trả lời câu hỏi phản bác của giáo viên. Trong phần nói 3, sinh viên được cung cấp một sơ đồ tư duy về một chủ đề đã học, chuẩn bị trong một phút và nói về chủ đề đó theo gợi ý của sơ đồ tư duy được cung cấp.

Bài thi nói sẽ được chấm dựa trên 5 tiêu chí: Ngữ pháp, Từ vựng, Phát âm, Độ lưu loát, Mức độ hoàn thành và liên kết.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập qua quan sát lớp học của giáo viên trong các giờ nói, hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên, phỏng vấn sinh viên về những khó khăn họ gặp phải trong quá trình học, đặc biệt là những khó khăn liên quan đến năm tiêu chí chấm nói, và bài kiểm tra nói cuối kì. Mục đích của việc quan sát lớp học và phỏng vấn sinh viên là để có sự hỗ trợ kịp thời cho sinh viên. Mục đích của hoạt động đánh giá thường xuyên là để (1) nhận diện những điểm yếu của sinh viên nhằm kịp thời góp ý, điều chỉnh và (2) lấy điểm như là một phần thưởng nhằm khích lệ tinh thần học tập của sinh viên. Mục đích của bài kiểm tra nói cuối kì là để có sự so sánh về sự tiến bộ của sinh viên so với các giai đoạn khác nhau trong suốt quá trình học nhằm đánh giá tính hiệu quả của nghiên cứu.

3.4. Quy trình thực hiện nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thường xuyên trong học kì vào hai tiết học nói. Những vấn đề phát sinh trong quá trình dạy học được nhận diện và giải quyết thông qua những điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

3.4.1. Định hướng đầu khóa học trong tuần 1

Trong buổi định hướng đầu khóa học, giáo viên: (1) Giới thiệu chung về môn học tiếng Anh B1, bao gồm giáo trình, lịch trình, yêu cầu kiểm tra đánh giá và chính sách môn học, trong đó có cả thông tin liên quan đến kĩ năng nói. (2) Thông báo về quy định điểm thưởng cho những sinh viên tích cực tham gia các hoạt động nói trên lớp và hoàn thành các bài tập nói được giao trong quá trình học. Điểm thưởng này bao gồm 2 loại: được tính vào điểm tự học dựa trên số lượng video ghi hình trực tiếp trên lớp và gửi theo tuần và được cộng điểm vào bài thi nói cuối kì dựa trên số lượng các video bài nói có chất lượng được ghi hình trực tiếp trên lớp học. "Có chất lượng" ở đây được hiểu là sinh viên có thể chọn bất kì đề nói nào đã học từ đầu học kì, nhìn thẳng màn hình khi ghi hình để đảm bảo không nhìn vào phần đã chuẩn bị và bài nói đạt yêu cầu theo các tiêu chí chấm nói với mức đánh giá từ 7/10 điểm trở lên. Việc ghi hình sẽ làm theo cặp, trong đó sinh viên luân phiên một người hỏi và một người trả lời.

3.4.2. Hoạt động hỗ trợ sinh viên ban đầu và trong suốt học kì

Các hoạt động hỗ trợ ban đầu: (1) Lập nhóm Zalo chung của lớp để thông báo về học vụ, gửi các tài liệu liên quan và tiếp nhận phản hồi của sinh viên; (2) Giới thiệu các trang tự học hỗ trợ có liên quan đến các chủ đề trên lớp; (3) Giới thiệu và hướng dẫn sinh viên sử dụng các loại từ điển khác nhau để sinh viên tham khảo cách phát âm, tìm nghĩa từ, tìm từ đồng nghĩa, cấp độ từ, cấu trúc từ và các cách kết hợp từ vựng; (4) Giới thiệu cho sinh viên một bài thi nói mẫu, đi kèm với câu trả lời cụ thể để sinh viên có cái nhìn khái quát về đề thi và yêu cầu của đề thi; (5) Phân tích các tiêu chí chấm nói và cách các hợp phần khác nhau của bài thi nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí này; (6) Làm rõ 6 chủ đề nói lớn mà sinh viên sẽ gặp phải trong bài thi nói cuối kì.

Các hoạt động hỗ trợ trong suốt học kì: (1) Vì giáo trình được sử dụng trong khóa học không có các bài luyện nói theo định dạng đề thi nói nên giáo viên tự soạn các đề thi nói theo các chủ đề học để sinh viên luyện tập và có kĩ năng làm bài thi nói. Bộ đề thi nói này được cung cấp cho sinh viên từ đầu học kì và được sử dụng trong giờ luyện nói; (2) Để hỗ trợ cho sinh viên về mặt từ vựng và ý tưởng, hai kĩ năng tiếp nhận là đọc và nghe được dạy trước giờ học kĩ năng nói; và kĩ năng nói được lồng ghép trong giờ học đoc và học nghe khi sinh viên thảo luận về bài đọc và bài nghe, dù không theo định dạng của bài thi nói cuối kì.

3.4.3. Các vấn đề phát sinh trong tuần 2 - 5 và giải pháp

3.4.3.1. Các vấn đề phát sinh trong tuần 2 - 5

(1) Có đến hơn 90% số sinh viên có vấn đề về độ lưu loát, không thể bật ra ngay câu trả lời khi được hỏi hoặc sau 1 phút chuẩn bị. Lí do được đưa ra qua phỏng vấn là sinh viên không có ý tưởng và không đủ từ vựng. Ngoài ra các sinh viên này cũng gặp nhiều vấn đề liên quan đến phát âm và ngữ pháp. Các sinh viên khá trong lớp độ lưu loát, phát âm và từ vựng đã tốt nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu vê mức độ hoàn thành và liên kết/ ngữ pháp/ từ vựng.

(2) Dù đã nghe phân tích về bài nói và tiêu chí chấm từ tuần đầu nhưng đa phần sinh viên chưa chưa nắm bắt được vấn đề và không biết bắt đầu từ đâu.

(3) Sinh viên không tự tin khi bạn cùng cặp quay bài nói của mình bằng điện thoại của bạn và do đó không muốn ghi hình.

3.4.3.2. Các giải pháp cho các vấn đề của tuần 2 - 5

(1) Sinh viên được hướng dẫn tham khảo nội dung và từ vựng trên các trang website do giáo viên gợi ý hoặc tự tìm kiếm; tự lựa chọn những ý tưởng và từ vựng phù hợp với khả năng hiểu và ghi nhớ của bản thân; tổng hợp lại thành sản phẩm của mình theo yêu cầu bài nói dưới dạng văn bản vào vở, và thực hành nói ban đầu là nhìn vào phần chuẩn bị nếu chưa nhớ và cố gắng ghi nhớ để những lần nói sau không cần nhìn những phần đã chuẩn bị. Sinh viên cần chuẩn bị bài trước giờ lên lớp.

(2) Đề nghị các sinh viên khá trong lớp nộp lại phần chuẩn bị của mình để chữa mẫu trước lớp trong những tuần đầu. Lúc này phần giải thích của giáo viên vẫn được lồng ghép với các tiêu chí chấm nói để sinh viên dần nắm bắt các yêu cầu cụ thể của bài thi nói. Sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi về những điều khúc mắc trên nhóm Zalo của lớp và giáo viên giải đáp vấn đề để cả lớp cũng theo dõi.

(3) Sinh viên vẫn luân phiên hỏi nhau theo cặp nhưng tự ghi hình của mình bằng chính điện thoại của mình và gửi riêng cho giáo viên.

3.4.4. Các vấn đề phát sinh trong các tuần 6 - 10 và giải pháp

3.4.4.1. Các vấn đề phát sinh trong tuần 6 - 10

(1) Đến lúc này độ lưu loát của sinh viên đã tốt hơn nhưng vẫn còn mắc nhiều lỗi về ngữ pháp, phát âm, sử dụng liên từ và bố cục thông tin bài nói. Ngoài ra sinh viên vẫn chưa có cơ hội làm quen với kĩ năng trả lời câu hỏi phản bác trong phần 2 của bài nói do các cặp chưa chủ động nghĩ câu hỏi phản bác cho bạn mình trả lời trong các tuần học trước đó.

(2) Sĩ số lớp đông, giáo viên không thể bao quát lớp khi tập trung lâu vào một cá nhân nhất định, do đó chưa có cơ hội chữa bài cho từng cá nhân.

(3) Sinh viên khá hơn trong lớp có biểu hiện sao lãng trong giờ nói do tốc độ làm việc nhanh hơn các bạn còn lại.

(4) Tốc độ trình bày bài nói của đa phần sinh viên chưa đạt chuẩn thời gian yêu cầu.

(5) Số lượng sinh viên gửi các video nói có chất lượng để cộng vào điểm nói cuối kì chưa nhiều.

3.4.4.2. Các giải pháp cho các vấn đề của tuần 6 - 9

(1) Giáo viên tổng hợp các lỗi được nhận diện qua các video sinh viên gửi và giải thích vào đầu các giờ học nói của tuần tiếp theo để tất cả sinh viên cùng theo dõi.

(2) Các sinh viên khá trong lớp được phân công giám sát một số cặp, hỗ trợ các cặp, chuẩn bị các câu hỏi phản bác cho phần 2 của bài nói để giáo viên duyệt trước và hỏi các bạn sau khi các bạn đã trình bày xong lựa chọn ở phần nói 2.

(3) Giáo viên dành một thời lượng nhất định vào cuối mỗi buổi học, căn giờ theo thời lượng quy định của bài nói và đặt câu hỏi để cả lớp đồng loạt trả lời và ghi hình. Các bạn không hợp tác trong hoạt động này sẽ được mời lên trước lớp trả lời lại vào buổi học tiếp theo.

(4) Các bạn khá trong lớp lên thi thử theo thời lượng quy định của bài thi. Giáo viên nhận xét điểm mạnh và điểm yếu của bài thi thử.

3.4.5. Kết quả đạt được sau tuần 9 và các giải pháp áp dụng cho tuần 10 - 14

Sau tuần 9, đa phần sinh viên đã biết chỉnh sửa độ dài của bài nói và kiểm soát tốc độ nói để đáp ứng được thời lượng yêu cầu của bài thi. Ngoài ra, độ lưu loát, mức độ hoàn thành bài nói (nội dung, bố cục bài nói, sử dụng liên từ) đã có tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn mắc lỗi về ngữ pháp, phát âm các từ dài và ngữ điệu chưa chuẩn.

Trong thời gian tuần 10 - 14 giáo viên sử dụng bộ đề đã cung cấp cho sinh viên từ đầu kì, chọn một đề bất kì trong số đề của các chủ đề đã học cho mỗi sinh viên trong số sinh viên còn lại lên thi thử. Sau các phần thi giáo viên góp ý cụ thể cho từng sinh viên dựa trên các tiêu chí chấm. Ngoài ra, giáo viên khuyến khích sinh viên ghi hình các bài nói có chất lượng, cho phép họ tự chọn đề nói theo sở thích cá nhân.

4. Thảo luận và kết quả

Vì là sinh viên không chuyên ngữ nên năng lực tiếng nói chung và năng lực nói nói riêng của các sinh viên trong lớp không đồng đều, trong đó đại đa số còn ở mức khiêm tốn tại thời điểm đầu học kì. Số ít sinh viên khá hơn trong lớp đã có tố chất về phát âm và độ bật tốt hơn khi nói thì vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu bài thi về mặt cách thức tiếp cận và bố cục thông tin, đặc biệt là khi trình bày phần 2 và 3 của đề thi nói. Do đó, các chiến lược đã được áp dụng để khiến sinh viên tích cực hơn trong giờ thực hành nói và đạt kết quả mong muốn vào cuối học kì.

Với lợi thế đường truyền Internet mạnh ổn định trên giảng đường và tất cả các sinh viên đều có điện thoại thông minh để tham khảo thông tin trên các trang website và ghi hình, hai tiết học mỗi tuần không còn là khoảng thời lượng rất ít, khó để cá thể hóa trong dạy học. Ở đây, các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm, trong đó sinh viên học cách chủ động tìm hiểu thông tin và tổ chức thông tin theo năng lực cá nhân hay nói cách khác là chủ động tạo ra kiến thức. Ngoài ra yếu tố thực hành của sinh viên trong các giờ học nói cũng luôn được ưu tiên hàng đầu và được duy trì thông qua các chiến lược phù hợp [7], [8].

Từ góc độ hỗ trợ người học, việc giáo viên cung cấp một bộ đề theo định dạng bài thi nói ngoài sách giáo khoa không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng lực trình bày vấn đề bằng tiếng Anh mà còn hình dung được trọng tâm cần đạt được và kĩ năng cần có để hoàn thành bài thi. Thông qua việc giáo viên phân tích lồng ghép các tiêu chí chấm nói và bài nói mẫu dưới dạng bản word ở các tuần đầu tiên, sinh viên nhận diện được điểm yếu của bản thân, lên mục tiêu nhỏ, cụ thể để dần cải thiện các điểm yếu đó. Tuy nhiên, khi tiến hành, sinh viên không tránh khỏi có những sai sót và tự thân mình không thể phát hiện được. Đây chính là lúc những góp ý chung của giáo viên ở đầu mỗi buổi học trong tuần tiếp theo phát huy tác dụng. Những góp ý chung này liên quan đến các vấn đề lớn phát sinh được nhận diện qua các video của sinh viên và phỏng vấn sinh viên ở các tuần trước đó. Ngoài ra, những hướng dẫn về cách học và các quy định của lớp học cũng phát huy tác dụng. Việc gợi ý sinh viên tham khảo các nguồn trên mạng Internet để lấy ý tưởng và từ vựng tổng hợp lại thành sản phẩm của cá nhân theo yêu cầu của bài nói, sau đó chuẩn bị bài nói vào vở trước khi nói (nếu cần) giúp sinh viên rút ngắn được thời gian chuẩn bị, hạn chế tâm lí ngại chuẩn bị bài, mạnh dạn hơn khi có sẵn cái để nói. Khi ghi hình những tuần đầu tiên, phần lớn sinh viên vẫn phải nhìn khá nhiều vào phần chuẩn bị để nói. Giáo viên coi đây là bước để sinh viên học từ vựng, luyện tập phát âm, cái thiện độ lưu loát, làm quen với cách tổ chứ ý tưởng, từ đó quen dần với việc nói tiếng Anh. Quy định ghi hình thay vì ghi âm có tác dụng giúp sinh viên nhìn ra được khuôn miệng khi phát âm và giúp giáo viên đánh giá việc phát âm

phụ âm đuôi của sinh viên một cách chính xác để có hướng điều chỉnh kịp thời. Việc phải lên nói trước lớp khi không tham gia ghi hình trong thời lượng cả lớp trả lời đồng loạt đã đánh vào thể diện của sinh viên khiến không sinh viên nào bỏ qua hoạt động nói căn giờ này. Quy định chỉ các video được ghi hình trên lớp học mới được tính điểm có tác dụng đầu tiên là sinh viên buộc phải làm việc trên lớp. Thêm nữa, đây cũng là hoạt động sinh viên xem xét lại phần chuẩn bị của mình, kết hợp với bạn cùng cặp và hỗ trợ nhau chỉnh sửa khi cần thiết. Đối với các sinh viên năng lực nói đã tốt thì việc giám sát và hỗ trợ các cặp được giao phụ trách cũng khiến cho họ phải làm việc liên tục trong giờ học. Chính việc hỗ trợ lẫn nhau như vậy cũng giúp sinh viên khẳng định và củng cố kiến thức của mình, đồng thời thiết lập được môi trường lớp học gắn kết.

Từ góc độ dùng điểm số như là một động lực ngoại sinh, có thể thấy với quy định về việc gửi đủ số lượng video mà không bị đánh giá quá nhiều về chất lượng để lấy điểm tự học đã giúp sinh viên dần bỏ cảm giác ngại nói ở những tuần đầu, thiết lập dần thói quen thực hành nói trên lớp và làm quen dần với các yêu cầu của bài thi nói. Chiến lược này thành công là do sinh viên nhìn thấy lợi ích của quy định này: đạt được điểm số mong muốn không quá khó. Quy định cộng điểm nói cuối kì (với hệ số điểm cao hơn điểm tự học) dựa trên số lượng video bài nói có chất lượng mà sinh viên làm được đã giúp sinh viên sẵn sàng cho bài thi nói cuối kì. Lí do là vì đến thời điểm này sinh viên đã đủ tự tin, tích lũy đủ kiến thức và kĩ năng để dấn thân vào một thử thách lớn hơn với phần thưởng lớn hơn. Mong muốn được cộng điểm nhiều lần vào bài thi nói cuối kì thúc đẩy sinh viên làm nhiều video bài nói chất lượng hơn và qua đó vô thức cải thiện năng lực nói của họ. Ngoài ra, việc sinh viên được quyết định số lượng video có chất lượng này cũng tạo cho sinh viên cảm giác làm chủ được tiến độ học tập của mình, làm việc theo mức năng lực mà không thấy bị áp đặt quá mức và do đó cũng sẵn sàng hơn cho việc học. Thống kê cho thấy từ tuần thứ 3 trở đi, số lượng sinh viên nộp video là 94% và số lượng video bài nói chất lượng tăng lên vào 4 tuần cuối của kì học, với tuần đạt số lượng cao nhất là hơn 60% trên tổng số sinh viên.

Từ góc độ phản hồi của giáo viên thì có thể thấy giáo viên khó có thể thường xuyên chỉnh sửa cho từng sinh viên tại thời điểm ban đầu hoặc khi sinh viên đang tự tìm ý tưởng, định vị mục tiêu nhỏ. Ngoài ra, thời lượng 2 tiết học cho một buổi học không đủ để giáo viên vừa bao quát lớp, vừa hướng dẫn cụ thể từng sinh viên. Tuy nhiên, để đạt được kết quả như mong muốn vào cuối kì thì mỗi sinh viên cần được góp ý cụ thể ít nhất một lần. Thời điểm phù hợp chính là vào giai đoạn gần cuối học kì, từng sinh viên sẽ có cơ hội thi thử trong thời gian quy định của bài thi nói bằng các đề đã luyện nhưng không được chọn đề và sau đó nghe phản hồi chi tiết từ giáo viên. Những phản hồi vào thời điểm này có hiệu quả tốt vì sinh viên đã hiểu nhiều về bài thi nói và do đó việc lĩnh hội các phản hồi tốt hơn. Khi phản hồi bài thi thử, giáo viên luôn đưa ra những lời khen và khích lệ cho những phần sinh viên đã làm tốt, trước khi góp ý một cách nhẹ nhàng về những mặt sinh viên cần thay đổi nhằm tạo tâm lí thoải mái cho các sinh viên thi thử tiếp theo. Việc sinh viên không được chọn đề thi thử là để sinh viên chủ động ôn lại các kiến thức đã học và làm quen với yếu tố bất ngờ của bài thi thật. Ngoài ra, lúc này sinh viên nhìn chung đã biết cách và có thói quen cần phải làm gì trong giờ nói, đã có đủ tự tin hơn trong khi làm những video có đủ chất lượng để được cộng vào điểm nói cuối kì, và ý thức được không còn nhiều thời gian để làm bài nói có chất lượng như vậy, nên độ tự giác đã cao hơn. Chính vì vậy giáo viên hoàn toàn có thể yên tâm làm việc với từng sinh viên mà không cần quá quan tâm vào việc bao quát lớp học. Một điều thú vị mà giáo viên có thể quan sát được khi phản hồi cho các cá nhân lên thi thử là rất nhiều sinh

viên khác trong lớp lắng nghe rất chăm chú và có ghi chép lại phần nhận xét của giáo viên cho bạn. Thực tế này cho thấy việc giáo viên chuyển dần từ chiến lược đánh vào điểm số như là một động lực ngoại sinh cho thời điểm ban đầu sang các chiến lược tăng cường động lực nội sinh của sinh viên đã phát huy tác dụng và sinh viên đã biết chủ động quan tâm tới việc học của mình.

Mặc dù sự giống nhau duy nhất của bộ đề sinh viên được luyện trên lớp và bộ đề thi nói cuối kì là định dạng và các câu hỏi xoay quanh 6 chủ đề lớn sinh viên đã học, kết quả của bài thi nói cuối cùng cho thấy phản xạ trả lời câu hỏi của sinh viên không còn kém như ở những tuần đầu. 92% sinh viên đạt yêu cầu, trong đó 70% ở mức điểm 7 trở lên và khoảng gần 10% sinh viên đạt điểm tối đa mà không cần phải cộng hết điểm thưởng vào điểm nói cuối kì. Số rất ít sinh viên không đạt yêu cầu là những sinh viên nghỉ học nhiều và không hợp tác.

5. Kết luận

Hiện tượng ngại thực hành nói trên lớp là điều thường thấy trong giờ học nói ở các lớp tiếng Anh không chuyên vì nhiều lí do, nhưng chủ yếu vẫn là do năng lực tiếng còn hạn chế và sinh viên không biết cần bắt đầu từ đâu. Tuy nhiên, vấn đề có thể được giải quyết nhờ khai thác các quy định về đào tạo và các chiến lược dạy - học phù hợp. Trong bối cảnh nghiên cứu này, việc sử dụng thiết bị công nghệ, vận dụng kết hợp các yếu tố động lực ngoại sinh như điểm số, phần thưởng, thể diện và các yếu tố duy trì động lực nội sinh của sinh viên một cách phù hợp và đúng thời điểm đã cho kết quả khả quan vào thời điểm cuối học kì.

Kết quả nghiên cứu có thể là một kênh tham khảo hữu ích cho các tiết học kĩ năng nói của các lớp sinh viên không chuyên và gặp vấn đề tương tự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, H. D., *Principles of language learning and teaching (6th ed.)*, Pearson Education, 2017.

2. Dörnyei, Z., *Motivational strategies in the language classroom*, Cambridge University Press, 2001.

3. Fraenkel, J. R., Wallen, N. E., & Hyun, H. H., *How to design and evaluate research in education. 8th edition*, McGraw - Hill., Boston, 2011.

4. Jenkins, H. J., & Dix, S. B., *The role of action research in learning support: A case study*, Special Educational Perspectives, 13(2), 47-68, 2004.

5. Lê Thị Hoàn, *Tác động vào động lực nội sinh để khuyến khích sinh viên học tập*, TC Ngôn ngữ, Số 4, 2023.

6. https://vnu.edu.vn/btdhqghn/?C2090/N31981/Quy-che%CC%81-da%CC%80o-ta%CC%A3o-da%CC%A3i-ho%CC%A3c-tai-dHQGHN.htm, Accessed 27 February, 2024.

7. https://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N24374/doi-moi-hoat-dong-giang-day:-buoc-phat-trien-tien-toi-mot-dai-hoc-thong-minh,-ben-vung.htm, Accessed 27 February 2024.

8. https://www.giaoduc.edu.vn/day-hoc-theo-dinh-huong-ca-the-hoa-mot-quan-diem-su-pham-tien-tien.htm, Accessed 27 February, 2024.